

THỰC TRẠNG RỐI LOẠN TRẦM CẢM CỦA HỌC SINH LỚP 12 TRƯỜNG ĐÌNH TIÊN HOÀNG TỈNH ĐỒNG NAI NĂM 2022

Lê Minh Hải¹, Dương Ngọc Thanh Trúc¹, Nguyễn Hoài Nam²,
Bùi Thị Bạch Yến³, Phan Thanh Hải⁴, Phạm Thị Ngọc Nga⁴,
Tô Thị Yến Nhi⁴, Nguyễn Hồng Hà⁴, Nguyễn Hiệp Phúc⁴

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Trầm cảm ở học sinh là một trong những vấn đề đáng quan tâm hiện nay, các chuyên gia cho biết tình trạng này đang có xu hướng gia tăng đáng kể. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** nghiên cứu cắt ngang được thực hiện từ tháng 03/2022 đến tháng 04/2022 trên 260 học sinh lớp 12 đang học trường trung học phổ thông (THPT) Đình Tiên Hoàng, tỉnh Đồng Nai. **Kết quả:** trong 260 học sinh tham gia nghiên cứu, tỷ lệ rối loạn trầm cảm chung là 49,6% với tỷ lệ rối loạn trầm cảm mức nhẹ là 20,8%; vừa là 19,6%; nặng là 5,4%; thấp nhất là rất nặng (3,8%). Các đặc điểm về số môn học thêm; hoạt động thường tham gia (ít nhất 1 lần/tuần); bạn thân có thể chia sẻ thông tin; số anh chị em trong gia đình; hoàn cảnh kinh tế gia đình; hoàn cảnh cuộc sống gia đình và đặc điểm hoạt động phụ giúp công việc nhà đều mang ý nghĩa thống kê với tỷ lệ rối loạn trầm cảm ($p < 0,05$). **Kết luận:** Có đến 49,6% học sinh Trường THPT Đình Tiên Hoàng bị rối loạn trầm cảm từ mức nhẹ đến rất nặng. Gia đình, nhà trường và các nhà nghiên cứu cần phối hợp để đưa ra các giải pháp.

Từ khóa: rối loạn trầm cảm, học sinh, DASS-21.

SUMMARY

DEPRESSIVE DISORDER OF STUDENTS OF GRADE 12 AT DINH TIEN HOANG HIGH SCHOOL IN DONG NAI PROVINCE, 2022

Background: Depression in students is one of the most current concerns. According to experts, this condition tends to increase significantly. **Material and methods:** a cross-sectional study was carried out from March 2022 to April 2022 on 260 grade 12 students studying at Dinh Tien Hoang high school, Dong Nai province. **Results:** n 260 students participating in the study, the overall rate of depressive disorder of the students was 49.6%. The prevalence of mild depressive disorder is 20.8%; moderate level of depression was 19.6%; major depression was 5.4%; and the lowest level was very severe depression (3.8%). The characteristics of the number of overtime subjects; usual participating activities (at least once a week); close friends that can

share information; number of siblings in the family; family economic circumstances; family life situation and characteristics of activities to help with housework are statistically significant with the rate of depressive disorder ($p < 0.05$). **Conclusions:** Up to 49.6% of students at Dinh Tien Hoang High School suffer from mild to moderate depressive disorder. There is a need for effective solutions from families, schools and researchers. **Keywords:** depressive disorder, students, DASS-21.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trầm cảm được đánh giá là một trong các rối loạn tâm lý phổ biến và có thể gặp ở bất kỳ đối tượng nào. Bệnh lý này sẽ gây ra các triệu chứng khó chịu như buồn bã, chán nản, tuyệt vọng, mất dần hứng thú đối với cuộc sống hiện tại, suy nghĩ tiêu cực,... Trong đó, trầm cảm ở học sinh hay còn gọi là trầm cảm học đường hiện đang có xu hướng gia tăng đáng kể. Tình trạng này có thể xuất hiện và kéo dài trong suốt thời gian học tập tại trường. Theo báo cáo của Quỹ Nhi Đồng Liên Hiệp Quốc (UNICEF) khoảng 8-29% trẻ em đang trong độ tuổi vị thành niên ở Việt Nam có vấn đề về sức khỏe tâm thần [3]. Nghiên cứu chúng tôi được thực hiện với mục tiêu: tìm hiểu thực trạng rối loạn trầm cảm của học sinh lớp 12 đang học tại Trường THPT Đình Tiên Hoàng, tỉnh Đồng Nai trước thời điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2022.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: học sinh lớp 12 học tại Trường THPT Đình Tiên Hoàng, tỉnh Đồng Nai.

Tiêu chuẩn chọn: học sinh lớp 12 đang học tại Trường THPT Đình Tiên Hoàng tỉnh Đồng Nai. Học sinh tham gia khảo sát đầy đủ câu hỏi trong thời gian từ tháng 3 - 4/2022.

Tiêu chuẩn loại trừ: Học sinh không đồng ý tham gia nghiên cứu

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu: nghiên cứu mô tả cắt ngang có phân tích

Cỡ mẫu: áp dụng công thức tính cỡ mẫu cho 1 tỷ lệ:

Trong đó: $Z = 1,96$ (hệ số tin cậy với mức ý nghĩa $\alpha = 0,05$)

¹Ban An toàn Vệ sinh Thực phẩm TP.HCM

²Sở y tế Thành phố Hồ Chí Minh

³Sở Y tế tỉnh Đồng Nai

⁴Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Hiệp Phúc

Email: nhphuc@ctump.edu.vn

Ngày nhận bài: 6.01.2023

Ngày phản biện khoa học: 23.2.2023

Ngày duyệt bài: 7.3.2023

Với p lần lượt có giá trị 0,421 tương ứng với tỷ lệ học sinh trầm cảm chung, theo nghiên cứu của Danh Thành Tín và cộng sự năm 2021 [5]. Tỷ lệ này là 42,1%; d : sai số cho phép của nghiên cứu, chọn $d = 0,06$; Vậy cỡ mẫu cho tỷ lệ rối loạn trầm cảm, $n = 260$ học sinh.

2.3. Phương pháp chọn mẫu: lập danh sách tất cả học sinh lớp 12, chọn mẫu phân tầng theo 22 lớp tại Trường, mỗi lớp chọn ngẫu nhiên 12 học sinh đồng ý tham gia.

2.4. Nội dung nghiên cứu

- Tỷ lệ rối loạn trầm cảm: được xác định theo các mức dựa vào điểm 7 câu hỏi đánh giá mức độ rối loạn trầm cảm trong thang đo DASS-21 [6]. Điểm cho mỗi tiểu mục là từ 0 đến 3 điểm, tùy mức độ và thời gian xuất hiện triệu chứng. Tổng điểm DASS của từng rối loạn được tính bằng cách lấy tổng điểm của 7 tiểu mục nhân đôi sẽ ra kết quả. Tỷ lệ rối loạn trầm cảm theo mức độ được phân chia theo thang đo, cụ thể: nhẹ từ 15-18 điểm; vừa từ 19-25 điểm; nặng từ 26-33 điểm và rất nặng khi trên 34 điểm.

+ Tỷ lệ rối loạn trầm cảm chung của đối tượng được xác định dựa trên số lượng học sinh có rối loạn trầm cảm (mức nhẹ, vừa, nặng và rất nặng) trên tổng học sinh tham gia nghiên cứu.

+ Liên quan tỷ lệ rối loạn trầm cảm chung với một số đặc điểm khảo sát của đối tượng bao gồm: giới tính, học lực, số môn học thêm, hoạt động thường tham gia (ít nhất 1 lần/tuần), bạn thân có thể chia sẻ thông tin, số anh chị em trong gia đình, hoàn cảnh kinh tế gia đình, hoàn cảnh cuộc sống gia đình, hoạt động phụ giúp công việc nhà. Liên quan mang ý nghĩa thống kê khi $p < 0,05$.

2.5. Phân tích thu thập và xử lý số liệu:

gửi bộ câu hỏi khảo sát bằng phiếu và hướng dẫn cách điền phiếu cho học sinh, giải thích rõ về mục đích nghiên cứu và tiến hành khi được đối tượng nghiên cứu đồng ý tham gia nghiên cứu. Số liệu được thu thập và xử lý bằng phần mềm SPSS 20.0.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Tỷ lệ rối loạn trầm cảm của học sinh

Bảng 1. Tỷ lệ rối loạn trầm cảm

Có rối loạn		Tần số (n=260)	Tỷ lệ (%)
Theo mức độ	Không trầm cảm (bình thường)	131	50,4
	Nhẹ	54	20,8
	Vừa	51	19,6
	Nặng	14	5,4
	Rất nặng	10	3,8
Rối loạn trầm cảm chung		129	49,6%

Nhận xét: tỷ lệ rối loạn trầm cảm chung là 49,6%; theo các mức độ, tỷ lệ rối loạn trầm cảm mức nhẹ là 20,8%; vừa là 19,6%; nặng là 5,4% và thấp nhất là rất nặng (3,8%).

3.2. Một số yếu tố liên quan với tỷ lệ rối loạn trầm cảm

3.2.1. Tỷ lệ rối loạn trầm cảm với đặc điểm giới tính và đặc điểm học tập của học sinh

Bảng 2. Liên quan giữa tỷ lệ rối loạn trầm cảm với đặc điểm giới tính và một số đặc điểm học tập của học sinh

Đặc điểm		Rối loạn trầm cảm n (%)	Bình thường n (%)	p
Giới tính	Nam	51(46,4)	59(53,6)	0,222
	Nữ	78(52,0)	72(48,0)	
Học lực	Từ khá trở lên	129(50,4)	127(49,6)	0,254
	Trung bình/yếu	2(50,0)	2(50,0)	
Số môn học thêm	1 - 2 môn	38(54,3)	32(45,7)	0,005
	> 2 môn	17(43,6)	22(56,4)	
	Không học thêm	74(49,0)	77(51,0)	
Bạn thân có thể chia sẻ thông tin	Có	85(47,0)	96(53,0)	0,009
	Không	44(55,7)	35(44,3)	
Hoạt động thường tham gia (ít nhất 1 lần/tuần)	Thể dục/thể thao	22(28,6)	55(71,4)	0,003
	Am nhạc/Hội họa	9(45,0)	11(55,0)	
	Hoạt động khác	13(50,0)	13(50,0)	
	Không tham gia	85(62,0)	52(38,0)	

Nhận xét: ngoại trừ đặc điểm giới tính và học lực, các đặc điểm khác như: số môn học thêm; bạn thân có thể chia sẻ thông tin; hoạt động thường tham gia đều mang ý nghĩa thống kê với tỷ lệ rối loạn trầm cảm ($p < 0,05$).

3.2.3 Đặc điểm gia đình của học sinh

Bảng 3. Liên quan giữa tỷ lệ rối loạn trầm cảm và đặc điểm gia đình của học sinh

Đặc điểm		Rối loạn trầm cảm n (%)	Bình thường n (%)	p
Số anh chị em	Con một	16(76,2)	5(23,8)	0,015
	2 anh/chị em	73(50,0)	73(50,0)	

trong gia đình	Hơn 2 anh/chị em	40(43,0)	53(57,0)	
Hoàn cảnh kinh tế	Khả	12(29,3)	29(70,7)	0,006
	Trung bình	111(54,1)	94(45,9)	
	Khó khăn/ngheò	6(42,9)	8(57,1)	
Hoàn cảnh cuộc sống gia đình	Vui vẻ hòa đồng	26(32,5)	54(67,5)	<0,001
	Có bạo lực/bạo hành	1(100,0)	0(0,0)	
	Có cãi vã	29(69,0)	13(31,0)	
	Bình thường	73(53,3)	64(46,7)	
Hoạt động phụ giúp công việc nhà	Thường xuyên	62(41,1)	89(58,9)	<0,001
	Thỉnh thoảng	56(60,9)	36(39,1)	
	Không	11(64,7)	6(35,3)	

Nhận xét: trong 4 đặc điểm gia đình của học sinh trong nghiên cứu, tất cả đều có liên quan mang ý nghĩa thống kê với tỷ lệ rối loạn trầm cảm ($p < 0,05$).

IV. BÀN LUẬN

4.1. Tỷ lệ rối loạn trầm cảm và một số yếu tố liên quan. Kết quả nghiên cứu ghi nhận tỷ lệ rối loạn trầm cảm chung của học sinh lớp 12 đang học tại Trường THPT Đình Tiên Hoàng là 49,6%, đồng nghĩa có khoảng 50% học sinh tại trường đang có vấn đề về sức khỏe tâm thần. Đây là kết quả rất đáng quan tâm vì còn thời gian khoảng 3 tháng là các học sinh này bước vào kỳ thi THPT cấp quốc gia. Xét theo các mức độ, tỷ lệ rối loạn trầm cảm mức nhẹ là 20,8%; vừa là 19,6%; nặng là 5,4% và rất nặng là 3,8% (Bảng 1). Cũng thực hiện trên thang đo DASS-21, kết quả nghiên cứu của Danh Thành Tín, 2021 [6], trên 718 học sinh Trường THPT chuyên Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, tỷ lệ học sinh trầm cảm là 42,1%, gần tương đương với nghiên cứu của chúng tôi. Và cũng trên nhóm đối tượng này tại trường Trung học phổ thông Lê Quý Đôn, tỉnh Khánh Hòa, năm 2018, nhóm tác giả Tôn Thất Toàn ghi nhận có đến 55,4% đối tượng nghiên cứu có biểu hiện trầm cảm, mức độ nhẹ là 17,4%; vừa 22,3% và nặng là 7,7%.

Tuy nhiên tỷ lệ trầm cảm trong nghiên cứu của chúng tôi cao hơn nghiên cứu của tác giả Thai TT, 2020 [7] học sinh trung học tại Thành phố Hồ Chí Minh tỷ lệ này là 39,8%. Hoặc nghiên cứu của Trần Thị Mỹ Lương, Phan Diệu Mai (2019) [1] khi khảo sát thực trạng trầm cảm ở học sinh trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Ninh Bình và thành phố Hà Nội kết quả ghi nhận số (gần 80%) học sinh tham gia khảo sát không có biểu hiện trầm cảm; khoảng 20% số học sinh được

hỏi có biểu hiện trầm cảm ở các mức độ khác nhau. Trong số những em HS có biểu hiện trầm cảm, đa số các em ở mức trầm cảm nhẹ, tỉ lệ trầm cảm nặng chỉ khoảng 1% trong tổng số khách thể nghiên cứu. Hay trong nghiên cứu của Nguyễn Minh Nghĩa (2022) [2], tỷ lệ học sinh có biểu hiện trầm cảm là 34%. Thông thường, với những đối tượng là học sinh, sinh viên, người phải luôn đối mặt với những áp lực học tập, thi cử gây nên những căng thẳng, lo lắng quá mức. Khi các nỗi lo này kéo dài xuyên suốt trong khoảng vài tuần hoặc lâu hơn thì có nhiều khả năng trẻ đang mắc phải chứng bệnh trầm cảm. Đây cũng chính là lý do so với học sinh lớp 10 và học sinh trung học, học sinh lớp 12 đang chuẩn bị cho kỳ thi tốt nghiệp trong các nghiên cứu nói chung và cả nghiên cứu của chúng tôi cao hơn nhiều.

Và do vậy khi xem xét các tìm hiểu các yếu tố liên quan với tỷ lệ trầm cảm, ngoài giới tính các đặc điểm học tập của học sinh đã được nhóm tác giả quan tâm đầu tiên. Tuy vậy kết quả nghiên cứu ở bảng 2 ghi nhận các đặc điểm số môn học thêm với $p=0,005$; đặc điểm bạn thân có thể chia sẻ thông tin với $p=0,009$; đặc điểm hoạt động thường tham gia với $p = 0,003$, cả 3 đặc điểm này đều liên quan mang ý nghĩa thống kê với tỷ lệ rối loạn trầm cảm. Kết quả của chúng tôi khác với Tôn Thất Toàn [4], nữ giới nguy cơ trầm cảm cao hơn 2 lần so với nam giới ($p < 0,05$) hay trong nghiên cứu của Nguyễn Minh Nghĩa [3], giới tính nữ cũng có nguy cơ trầm cảm cao hơn 1,94 lần so với giới nam.

Theo các chuyên gia tâm lý, học sinh phổ thông là lứa tuổi đang phát triển tâm lý nên các em rất nhạy cảm với các thay đổi quanh mình, thiếu sự quan tâm gia đình bạn bè, các vấp ngã nhỏ cũng làm cho các em stress, trầm cảm,... Chính vì điều này bên cạnh giới tính và đặc điểm học tập của học sinh, một số yếu tố gia đình cũng được khảo sát tìm mối liên quan đến rối loạn trầm cảm của học sinh. Kết quả bảng 3, ghi nhận, cả 4 đặc điểm số anh chị em trong gia đình; hoàn cảnh kinh tế; hoàn cảnh cuộc sống gia đình và hoạt động phụ giúp công việc nhà đều liên quan mang ý nghĩa thống kê với tỷ lệ trầm cảm trong nghiên cứu.

Dựa vào số liệu nghiên cứu này và các nghiên cứu khác, trầm cảm ở học sinh lớp 12 ở mức cao có dấu hiệu tăng nhanh và đang ở con số đáng báo động. Trầm cảm tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe tinh thần và thể chất của các trẻ em. Theo các chuyên gia tâm lý cho biết rằng, tình trạng trầm cảm ở học sinh sẽ gây ảnh hưởng trực tiếp

đến suy nghĩ, cảm xúc, hành vi của bệnh nhân. Nếu các triệu chứng bệnh không được sớm phát hiện và áp dụng các biện pháp can thiệp kịp thời sẽ để lại nhiều hậu quả nặng nề, thậm chí có thể cướp đi cả tính mạng của người bệnh. Cần có nhiều biện pháp hỗ trợ cải thiện và phòng ngừa tại nhà, trường học,... Để các giải pháp thực hiện có hiệu quả cần có sự phối hợp từ tất cả mọi phía: từ học sinh, gia đình đến nhà trường và các nhà nghiên cứu.

V. KẾT LUẬN

Tỷ lệ rối loạn trầm cảm chung của học sinh Trường Đinh Tiên Hoàng, tỉnh Đồng Nai khá cao (49,6%), đa số các em rơi vào mức rối loạn trầm cảm mức nhẹ (20,8%) và mức vừa (19,6%). Ngoài trừ học lực và giới tính, các đặc điểm khác về học tập và gia đình đều ảnh hưởng đến tỷ lệ Trầm cảm của các học sinh. Cần có các giải pháp phối hợp từ phía từ học sinh, gia đình đến nhà trường, tư vấn kịp thời để hỗ trợ các học sinh có sức khỏe tinh thần tốt nhất trước kỳ thi tốt nghiệp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Trần Thị My Lương, Phan Diệu Mai** (2019). Thực trạng trầm cảm ở học sinh trung học phổ

thông: nghiên cứu trên địa bàn tỉnh Ninh Bình và thành phố Hà Nội. Tạp chí Giáo dục, 166:146-150.

2. **Nguyễn Minh Nghĩa** (2022), Thực trạng trầm cảm ở học sinh lớp 10 tại trường trung học phổ thông Việt Nam – Ba Lan, thành phố Hà Nội. Khóa luận tốt nghiệp đại học, Trường đại học Y Dược, Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. **Quỹ Nhi đồng Liên Hiệp Quốc** (2018). Sức khỏe tâm thần và tâm lý xã hội của trẻ em và thanh niên tại một số tỉnh và thành phố ở Việt Nam. UNICEF, pp.25-113.
4. **Tôn Thất Toàn, Nguyễn Thị Quế Lâm** (2020), Thực trạng trầm cảm, lo âu, stress và hành vi, nhu cầu tìm kiếm sự trợ giúp tâm lý học sinh lớp 12 trường trung học phổ thông Lê Quý Đôn, tỉnh Khánh Hòa, năm 2018, 30 (4), Tạp chí Y Học Dự Phòng, tr. 190-196.
5. **Danh Thành Tín, Lê Minh Thuận, Huỳnh Ngọc Thanh** (2021), Tỷ lệ stress, lo âu, trầm cảm của học sinh Trường THPT chuyên Vị Thanh Tỉnh Hậu Giang và các yếu tố liên quan, Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh, 25 (2), tr.161-167.
6. **Viện sức khỏe tâm thần, Thang đánh giá Lo âu - Trầm cảm - Stress (DASS 21)**. URL: <http://nimh.gov.vn/thang-danh-gia-lo-au-tram-cam-stress-dass-21/>.
7. **Thai TT, Vu TLLN, Bui THH** (2020), Mental Health Literacy and Help-Seeking Preferences in High School Students in Ho Chi Minh City, Vietnam. School Mental Health, 12(2):378-387.

CAN THIỆP NỘI MẠCH ĐIỀU TRỊ TĂNG SẢN TUYẾN TIỀN LIỆT LÀNH TÍNH SỬ DỤNG N-BUTYL CYANOACRYLATE: VẬT LIỆU THAY THẾ THÍCH HỢP CHO VI HẠT

Lê Thanh Dũng^{1,2}, Lê Quý Thiện³, Thân Văn Sỹ¹

TÓM TẮT

Mục tiêu: nghiên cứu nhằm đánh giá tính an toàn và kết quả ngắn hạn của phương pháp nút động mạch tuyến tiền liệt bằng keo N-butyl cyanoacrylate (NBCA) trong điều trị tăng sản tuyến tiền liệt lành tính với triệu chứng đường tiểu dưới. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu hồi cứu đơn trung tâm trên 15 bệnh nhân (tuổi trung bình, 65 ± 20,5 tuổi; 45 – 85 tuổi) được tiến hành PAE bằng hỗn hợp NBCA và lipiodol (tỷ lệ từ 14: - 1:8) để điều trị BPH từ tháng 6 năm 2022 đến tháng 9 năm 2022. **Kết quả:** Tổng thể tích NBCA/Lipiodol được dùng trung bình là 1,2 ± 0,3 ml, tổng thời gian bơm là 20,5 ± 3,4

giây và tổng liều tia là 15.554 ± 14.397 mGy·cm. Những cải thiện đáng kể về mặt thống kê về điểm IPSS, điểm chất lượng cuộc sống QoL và thể tích tuyến tiền liệt tại thời điểm sau 1 tháng PAE. Không có biến chứng lớn nào được ghi nhận. Chỉ số quốc tế về chức năng cương dương (IIEF5) không thay đổi đáng kể. **Kết luận:** Nút động mạch tuyến tiền liệt bằng NBCA để điều trị tăng sản tuyến tiền liệt lành tính có triệu chứng là khả thi, an toàn, nhanh chóng và hiệu quả. **Từ khóa:** nam giới, triệu chứng đường tiết niệu dưới; tăng sản lành tính tuyến tiền liệt; nút động mạch tuyến tiền liệt, N-butyl cyanoacrylate.

SUMMARY

TREATMENT OF BENIGN PROSTATE HYPERPLASIA USING N-BUTYL CYANOACRYLATE: SUITABLE ALTERNATIVE FOR PARTICLES

Objective: To evaluate the safety and short-term outcome of prostatic artery embolization (PAE) using N-butyl cyanoacrylate (NBCA) in the treatment of benign prostatic hyperplasia (BPH) with lower urinary tract symptoms. **Subjects and methods:** A single-

¹Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức

²Trường Đại học Y Hà Nội

³Trường đại học Y Dược - Đại học Quốc gia Hà Nội

Chịu trách nhiệm chính: Thân Văn Sỹ

Email: sy.hmu0915@gmail.com

Ngày nhận bài: 2.01.2023

Ngày phản biện khoa học: 20.2.2023

Ngày duyệt bài: 3.3.2023